

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 25/3/2022

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Hoàng
2. Bà Võ Thị Bạch Tuyết

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: không.

Trong ngày 25 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2021/DSST, ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H T N G, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 21, ấp A, xã Đ, huyện C, thành phố H

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp A, xã Đ, huyện C, thành phố H

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông N T T, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 248/7 Nguyễn Văn Khôi, phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H T N G trình bày: Trong thời gian bà N T K M làm chủ hui, bà G có tham gia chồng hui và chơi hui với số tiền cụ thể như sau:

Tiền chồng hui là 79.000.000 (bảy mươi chín triệu) đồng, trong đó: Tháng 12/2013 bà G chồng hui là 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng; tháng 4/2015 bà G

chồng hụi là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng; tháng 6/2015 bà G chồng hụi là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng; tháng 8 bà G chồng hụi là 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng. Số tiền đóng hụi hằng tháng là 8.800.000 (tám triệu tám trăm ngàn) đồng với bao gồm 11 phần hụi, mỗi tháng bà G đóng cho bà M là 800.000 (tám trăm ngàn) đồng. Từ tháng 8/2019 đến tháng 01/2021 bà G mẫn 04 phần hụi với số tiền 57.600.000 (năm mươi bảy triệu sáu trăm ngàn) đồng. Từ tháng 01/2020 đến tháng 01/2021 bà G mẫn 03 phần hụi với số tiền là 31.200.000 (ba mươi một triệu hai trăm ngàn) đồng. Đến tháng 12/2020 bà G đóng hụi cho bà M 2.800.000 (hai triệu tám trăm ngàn) đồng. Tổng cộng số tiền đóng hụi hằng tháng là 91.600.000 (chín mươi một triệu sáu trăm ngàn) đồng. Như vậy tổng cộng số tiền chồng hụi và đóng hụi là 170.600.000 (một trăm bảy mươi triệu sáu trăm ngàn) đồng. Đến tháng 01/2021 bà M tuyên bố bế hụi nên không trả lại số tiền mà bà G đã tham gia đóng và chồng hụi. Ngày 01/02/2021 bà M có ký xác nhận tiền nợ hụi số tiền 170.600.000 000 (một trăm bảy mươi triệu sáu trăm ngàn) đồng nhưng nhiều lần đòi bà M không trả. Do đó, bà G làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N T K M trả lại số tiền vốn mà bà đã đóng và chồng hụi cho bà M. Do việc chơi hụi chỉ có bà G và bà M thực hiện không liên quan đến chồng bà M nên bà G chỉ yêu cầu bà M có trách nhiệm hoàn trả cho bà G số tiền nợ hụi.

Đại diện theo ủy quyền bị đơn ông N T T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, cả hai bên đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa theo văn bản số 01/PC-VKS-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 do Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và các đương sự không thống nhất được bất kỳ nội dung nào của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn H T N G có đơn khởi kiện đối với bà N T K M về việc hụi. Bà N T K M cư trú tại tổ 21, ấp A, xã Đ, huyện C, thành phố H và quan hệ tranh chấp này phát sinh từ tranh chấp hụi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Bà H T N G tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn

Bà N T K M tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn

Ông N T T tham gia tố tụng với tư cách là đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành mở phiên tòa theo thủ tục chung.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung :

** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Bà N T K M và bà H T N G có giao dịch dân sự về việc chơi hụi, bà M là đầu thảo, bà G là hụi viên tham gia chồng hụi và chơi hụi với bà M nhiều lần, tổng số tiền đóng cho bà M là 170.600.000 (một trăm bảy mươi triệu sáu trăm ngàn) đồng. Đến tháng 01/2021 bà M tuyên bố bế hụi nên không trả tiền hụi lại cho bà G. Ngày 01/02/2021 bà M có ký xác nhận tiền nợ hụi số tiền 170.600.000 000 (một trăm bảy mươi triệu sáu trăm ngàn) đồng nhưng không thực hiện việc trả nợ cho bà G nên bà khởi kiện. Trong suốt quá trình tố tụng bà M không đến Tòa án theo triệu tập và có ủy quyền cho ông N T T, tuy nhiên ông Thọ cũng có đơn xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà G. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà G đối với bà M là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G.

[3] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn H T N G không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án đã nộp.

Bị đơn N T K M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có ngạch tương ứng đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận số tiền là 4.265.000 (bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

[4]. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 116, Điều 119, Điều 471, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H T N G đối với bà Nguyễn Thị Kim M.

Buộc bà N T K M có nghĩa vụ trả cho bà H T N G số tiền 170.600.000 (một trăm bảy mươi triệu sáu trăm ngàn) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hủy giấy đóng tiền hui cho cô M ngày 01/02/2021 do bà M và bà G lập và ký tên.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà N T K M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.265.000 (bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà H T N G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà G số tiền 4.265.000 (bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AG/2011/07396 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hoàng Võ Thị Bạch Tuyết

Lê Thị Diễm Châu